

Bản án số: 136/2024/DS-ST

Ngày: 13 - 9- 2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đạo

Bà Phạm Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 169/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Đỗ Thị Đ**, sinh ngày: 14/9/1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện Đ, tỉnh T.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P)**, sinh ngày: 01/01/1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2023, bản tự khai 03/5/2024, nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Bà có cho bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) vay tiền, cho vay 04 lần với tổng số tiền là 202.000.000 đồng, cho vay không có lãi suất, vay không kỳ hạn, hai bên có làm các hợp đồng mượn tiền, bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) đã nhận đủ tiền vay, có ký tên và viết đầy đủ họ tên dưới mục Bên mượn. Cụ thể:

- Lần 1 ngày 02/10/2021 âm lịch cho vay 50.000.000 đồng.

- Lần 2 ngày 20/11/2021 âm lịch cho vay 60.000.000 đồng.

- Lần 3 ngày 20/8//2022 âm lịch cho vay 65.600.000 đồng

- Lần 4 ngày 20/11/2022 âm lịch cho vay 26.400.000 đồng

Sau khi vay được tiền và đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bà P không có trả tiền vốn vay dù bà đã nhiều lần đòi nợ và tránh né bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay 202.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,75%/tháng tính từ tháng 11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2024.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2024. Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tại đơn xác nhận ngày 07/8/2023 công an xã Đ xác nhận bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) vẫn còn đang sinh sống tại địa phương. Mặc khác, đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đ ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P). Chứng cứ nguyên đơn bà Đ cung cấp là các hợp đồng mượn tiền (Bút lục số 05, 06) có ghi đầy đủ họ tên cụ thể của người vay tiền là P, Nguyễn Thị P địa chỉ là ấp 2 C, xã Đ, huyện B, tỉnh T, đúng với địa chỉ nguyên đơn cung cấp và ghi trong đơn khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đ chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) trả nợ vay nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) phải trả số tiền nợ vay 202.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các hợp đồng cho mượn tiền đề ngày 02/10/2021 âm lịch, 20/11/2021 âm lịch, 20/8//2022 âm lịch và ngày 20/11/2022 âm lịch (Bút lục số 05, 06) do nguyên đơn cung cấp đều thể hiện rõ số tiền vay 202.000.000 đồng (Ghi cả bằng số và bằng chữ), cho vay không ghi thời hạn trả tiền vay, dưới mục bên mượn có chữ ký, chữ viết đầy đủ họ tên P, Nguyễn Thị P. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa bà Đ và bà H (P) có quan hệ giao dịch vay tiền, bà Đ

không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền vay 202.000.000 đồng hiện nay bà H (P) chưa trả cho bà Đ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà H (P) không có ý kiến phản hồi đối với tiền nợ vay mà nguyên đơn đã khởi kiện. Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà H (P) phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 202.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 1,75%/tháng tính từ tháng 11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 13/9/2024) của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn không có trả vốn, trả tiền lãi suất, các hợp đồng mượn tiền không có ghi lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phải trả là 0,83%/tháng là phù hợp. Về thời gian yêu cầu trả lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu tính từ tháng 11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 13/9/2024) là chưa phù hợp. Căn cứ vào các hợp đồng mượn tiền (Bút lúc số 05, 06) số tiền 202.000.000 đồng, không có ấn định thời hạn trả tiền vay nên thời gian tính lãi tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án và được thụ lý giải quyết là ngày 08/4/2024 là đúng quy định. Số tiền lãi suất bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) phải trả cho nguyên đơn được tính như sau:

$202.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng} = 8.662.400 \text{ đồng}$ (Tám triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 210.662.400 đồng (Gồm tiền vốn gốc 202.000.000 đồng, tiền lãi suất 8.662.400 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà H (P) phải chịu án phí số tiền là: $210.662.400 \text{ đồng} \times 5\% = 10.533.000 \text{ đồng}$ (Mười triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 92; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233, 238; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P).

2. Buộc bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền vay 210.662.400 đồng (Hai trăm mười triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm đồng) (Gồm tiền vốn gốc 202.000.000 đồng, tiền lãi suất 8.662.400 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị P, P) phải chịu 10.533.000 đồng (Mười triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Đ 5.757.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005605 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương